

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/ DS-ST

Ngày: 10 - 8 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thành Đô và ông Đồng Văn Diện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền –Thư ký

Tòa án nhân dân huyện LG.

Đại diện Viện kiểm sát huyện LG: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2021 và ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2021/DS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐST-DS ngày 29/6/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS ngày 30/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện LG, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 23, đường CKV, phường TNH, Tp. BG, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Lê Văn Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn G, xã TL, huyện LG, tỉnh BG.

*** Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn G, xã TL, huyện LG, tỉnh BG;

- Chị Đỗ Thị Nh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 23, đường CKV, phường TNH, Tp. BG, tỉnh BG.

(Anh Đ, anh Q có mặt tại phiên tòa ngày 14/7/2021 và ngày 10/8/2021; Chị Th, chị Nh vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, đầu năm 2019 anh góp vốn với số tiền 220.000.000 đồng cho anh Lê Văn Q để cùng làm khai thác đất san lấp mặt bằng. Tuy nhiên khi đưa tiền cho anh Q được một thời gian thì thấy không được mức, nên anh đã rút vốn không làm ăn cùng anh Q nữa, anh Q đồng ý để anh rút vốn và đồng ý trả lại tiền cho anh. Nhưng do anh Q chưa có tiền trả ngay nên đã anh Q đã viết giấy vay tiền số tiền 220.000.000 đồng vào ngày 07/8/2019. Khi viết giấy vay thì anh và anh Q thỏa thuận miệng tiền lãi là 2.000.000đ/tháng và tiền gốc trả dần trong 3 tháng. Tuy nhiên đến nay anh Q mới trả 40.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Sau đó từ tháng 9/2020 anh đã nhiều lần gọi đòi tiền nhưng anh Q không trả. Ngày 23/02/2021 anh nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc anh Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho anh số tiền gốc theo giấy vay tiền ngày 07/8/2019 là **220.000.000 đồng** (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*) và trả lãi theo Q định của pháp luật với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/4/2021 tại Tòa án, anh Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Kể từ khi vay, vợ chồng anh Q đã thanh toán trả anh được 40.000.000 đồng, anh đồng ý trừ số tiền này vào tiền vay gốc. Nay anh yêu cầu anh Q và chị Th phải thanh toán trả cho anh số tiền vay gốc theo Giấy vay tiền còn chưa trả là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi kể từ ngày anh nộp đơn khởi kiện ra Tòa án ngày 23/2/2021 với mức lãi suất là 0,83%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 15/4/2021, bị đơn là anh Lê Văn Q trình bày:

Giữa anh và anh Đ có hùn vốn làm ăn với nhau, cùng chung tiền để làm hồ sơ khai thác đất hạ cốt nền. Khi cần tiền để bỏ vốn thì cả anh và anh Đ tự góp tiền bỏ ra, khi cần chi tiêu đến tiền thì anh Đ đều biết. Do thời gian chờ làm hồ sơ khai thác đất lâu hoàn thành nên anh Đ không chung vốn để làm nữa. Khi đó giữa anh và anh Đ thỏa thuận với nhau là anh sẽ trả anh Đ lại số tiền mà anh Đ đã góp làm cùng với hình thức trả dần. Và sau đó anh Đ trình bày với anh là anh viết cho anh Đ một giấy nhận nợ để cho chị vợ anh Đ ở nhà yên tâm về việc anh Đ có bỏ tiền góp vốn để làm ăn cùng anh nên anh đã viết một giấy vay tiền cho anh Đ có ghi là vay số tiền 220.000.000 đồng. Giữa anh và anh Đ thỏa thuận khi nào hoàn thành hết số đất đã mua và hoàn trả lại mặt bằng cho những hộ dân đó thì anh sẽ trả cho anh Đ hết số tiền đó nhưng hiện nay những Th đất mà anh và anh Đ bỏ tiền ra mua cùng làm còn có những mô ghành cứng nên chưa trả lại mặt bằng cho những hộ dân được và cũng chưa lấy lại được tiền đặt cọc của các hộ dân nên anh chưa thanh toán được tiền cho anh Đ được. Đến nay anh đã thanh toán trả được cho anh Đ 40.000.000 đồng. Kể từ cuối năm 2020, anh Đ gọi điện thoại đòi tiền anh nhưng dùng lời lẽ không hay, có lời nói mang tính

chất đe dọa nên anh đã dừng lại không trả anh Đ số tiền còn lại. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh thanh toán số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày khởi kiện thì anh cho rằng vợ anh không liên quan nên không có trách nhiệm phải thanh toán, số tiền gốc 180.000.000 đồng này anh sẽ trả nhưng sẽ trả dần vì khi ký giấy vay các bên thỏa thuận cho trả dần và không đồng ý trả tiền lãi vì đây là tiền hùn vốn chứ không phải tiền vay.

** Người có Qền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Nh trình bày như sau:*

Chị là vợ của anh Đ. Quá trình anh Đ và anh Q góp vốn làm ăn với nhau như thế nào chị không nắm được cụ thể. Tuy nhiên, sau đó anh Đ rút vốn, anh Q đồng ý nhưng chưa có tiền thanh toán trả cho anh Đ nên viết giấy nhận vay tiền với anh Đ. Số tiền anh Đ mang đi góp vốn rồi chuyển thành tiền cho anh Q vay là tiền của vợ chồng chị. Do anh Q không thanh toán hết số tiền theo Giấy vay nên anh Đ khởi kiện ra Tòa án, chị đồng ý toàn bộ với yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Do nhà xa, bận nhiều công việc khác nên chị làm đơn này, đề nghị Tòa án nhân dân huyện LG cho chị vắng mặt toàn bộ các các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2021, chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Chị là vợ anh Q, quá trình anh Q và anh Đ góp vốn cùng làm ăn san lấp hạ cốt đất nên như thế nào chị không biết. Chỉ đến khi anh Đ mang Giấy vay tiền đến đòi tiền anh Q thì chị mới biết việc anh Q viết giấy vay tiền ngày 07/8/2019. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu chị có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản tiền này cùng anh Q chị không đồng ý do số tiền này chị không ký vay và không được sử dụng khoản tiền vay này. Khi anh Đ đến nhà đòi tiền thì anh Q không có nhà mà gọi điện bảo chị trả tiền đưa cho anh Đ, chị đã đưa cho anh Đ 04 lần, tổng số là 40.000.000 đồng và có ghi vào sổ để anh Đ ký vào sổ. Do bận công việc nên chị làm đơn này, đề nghị Tòa án nhân dân huyện LG cho chị vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa ngày 14/7/2021 và phiên tòa ngày 10/8/2021:

- Anh Nguyễn Đình Đ là nguyên đơn trình bày: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng anh Q, chị Th phải thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc theo Giấy vay tiền còn nợ chưa trả là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày anh nộp đơn khởi kiện (ngày 23/02/2021) với mức lãi suất là 0,83%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

- Bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Nguồn gốc số tiền ghi trong giấy vay tiền ngày 07/8/2019 là tiền anh Đ góp vốn để cùng làm khai thác đất hạ cốt nền với anh. Nhưng do thời gian chờ đợi việc khai thác lâu nên anh Đ rút vốn, không làm cùng anh nữa. Anh đã viết giấy vay tiền cho anh Đ nhưng thỏa thuận sẽ trả dần. Đến nay anh đã trả cho anh Đ tổng cộng 60.000.000 đồng (40.000.000 đồng vợ anh trả trực tiếp anh Đ, 20.000.000 đồng anh nhờ anh Lê Văn Quang, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn G, xã TL, huyện LG, tỉnh BG trả cho anh Đ). Anh đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để anh bảo anh Quang đến Tòa án làm chứng, trường hợp anh không mời được anh Thanh đến Tòa án thì đề nghị Tòa án giải Quyết theo Q định pháp luật.

Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để anh Q mời anh Quang đến làm chứng, phiên tòa tiếp tục được mở vào hồi 08 giờ ngày 30/7/2021.

Ngày 30/7/2021, do anh Q vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 10/8/2021.

Tại phiên tòa ngày 10/8/2021, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu vợ chồng anh Q, chị Th phải thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền vay gốc theo Giấy vay tiền còn nợ chưa trả là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) và tiền lãi kể từ ngày anh nộp đơn khởi kiện (ngày 23/02/2021) với mức lãi suất là 0,83%/tháng trên tổng số tiền nợ gốc chưa thanh toán. Anh khẳng định không nhận số tiền 20.000.000 đồng từ anh Lê Văn Quang như anh Q trình bày. Đến nay vợ chồng anh Q mới chỉ trả anh số tiền 40.000.000 đồng.

Anh Lê Văn Q trình bày anh có đưa tiền cho vợ ông Quang 20.000.000 đồng để trả cho anh Đ nhưng anh không xuất trình được tài liệu chứng minh. Anh đồng ý trả cho anh Đ số tiền gốc còn nợ 180.000.000 đồng nhưng sẽ trả dần và không đồng ý trả lãi, vợ anh không liên quan đến khoản tiền này nên không có trách nhiệm liên đới trả số tiền này cho anh Đ.

Người làm chứng anh Lê Văn Quang vắng mặt, Tòa án đã tiến hành xác minh với anh Quang để làm rõ vụ việc nhưng anh Quang cho rằng không liên quan đến việc anh Đ khởi kiện anh Q, anh từ chối làm việc với Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải Quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các Q định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng các Q định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không còn chưa chấp hành đúng các Q định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại các phiên đối chất lần và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải lần 1, vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/7/2021 mà không lý do). Trên cơ sở các lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có Qền lợi nghĩa vụ liên quan và

tài liệu chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn xuất trình thì có đủ căn cứ để xác định anh Lê Văn Q có vay của anh Nguyễn Đình Đ số tiền 220.000.000 đồng, đã thanh toán 40.000.000 đồng, nay còn nợ 180.000.000 đồng; Chị Th không biết nên không có nghĩa vụ liên đới cùng anh Q thanh toán khoản tiền vay cho anh Đ. Do đó đề nghị áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ, buộc anh Lê Văn Q phải thanh toán trả anh Nguyễn Đình Đ số tiền vay gốc chưa thanh toán là: 180.000.000 đồng. Về tiền lãi, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, thời gian tính lãi từ ngày 23/02/2021 đến ngày xét xử 10/8/2021 là 5 tháng 18 ngày theo mức lãi 0,83%/tháng. Về án phí anh Q phải chịu án phí theo Q định, hoàn trả anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên lãi suất chậm thi hành án và tuyên Qền kháng cáo theo Q định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người liên quan chị Th, chị Nh nhưng đã có đơn xin vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ Q định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ kiện.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm Qền giải Quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình Đ khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn Q và vợ là Nguyễn Thị Th phải trả tiền theo giấy vay tiền ngày 07/8/2019. Quan hệ giữa anh Q và anh Đ là quan hệ tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về việc vay tài sản. Các bên không tự giải Quyết được nên ngày 23/02/2021 anh Đ đã nộp đơn khởi kiện ra TAND huyện LG để giải Quyết. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là Tranh chấp HĐVTS theo Q định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Anh Đ khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện theo Q định tại Điều 184 của BLTTDS. TAND huyện LG thụ lý giải Quyết đảm bảo theo Q định tại khoản 3 Điều 26, Đ a khoản 1 Điều 35; Đ a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Đối với yêu cầu buộc anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay cho anh Đ, chị Nh. Hội đồng xét xử thấy: Theo Giấy vay tiền ngày 07/8/2019 thể hiện người vay là anh Lê Văn Q, anh Đ là người cho vay. Giấy vay tiền này chỉ có một mình anh Q ký tên, không có chữ ký của chị Th. Khi làm việc với Tòa án, anh Q trình bày vợ anh không liên quan đến việc làm ăn, vay tiền giữa anh và anh Đ. Mặt khác, Tòa án tiến hành làm việc với chị Th thì chị cho rằng chị không biết việc làm ăn giữa anh Đ và anh Q như thế nào,

chỉ đến khi anh Đ mang giấy vay tiền đến nhà đòi nợ thì chị mới biết, chị là người đã đưa trả tiền 40.000.000 đồng cho anh Đ vì khi anh Đ đến lấy tiền thì anh Q không có nhà mà điện thoại bảo chị đưa tiền cho anh Đ. Chị không vay và cũng không được sử dụng số tiền mà anh Q viết giấy tờ vay nợ với anh Đ nên không có căn cứ buộc chị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay do một mình anh Q thực hiện.

[2.2]. Xét yêu cầu đòi trả số tiền 180.000.000 đồng của nguyên đơn. HĐXX thấy: Căn cứ vào bản gốc giấy nhận nợ ngày 07/8/2019 do nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn có đủ căn cứ xác định: Đầu năm 2019, anh Đ có góp số tiền 220.000.000đ cho anh Q để cùng làm khai thác hạ cốt đất nền. Tuy nhiên sau đó 1 thời gian, việc khai thác hạ cốt đất nền chưa được thực hiện nên ngày 07/8/2019 anh Đ và anh Q tự nguyện thỏa thuận thống nhất chuyển số tiền 220.000.000 đồng sang thành khoản tiền vay cá nhân. Anh Đ công nhận đã nhận được từ chị Th (vợ anh Q) số tiền 40.000.000 đồng, anh đồng ý trừ số tiền này vào tiền gốc vay, nay anh Q còn nợ lại 180.000.000 đồng. Anh Q cho rằng đã thanh toán cho anh Đ ngoài số tiền 40.000.000 đồng thông qua vợ anh trả trực tiếp thì anh còn gửi 20.000.000 qua anh Quang thanh toán cho anh Đ hộ anh nhưng anh không có tài liệu nào chứng minh cho việc anh đã thanh toán số tiền 20.000.000 đồng thông qua anh Quang trả cho anh Đ. Mặt khác, tại phần tranh luận phiên tòa anh Q thừa nhận còn nợ anh Đ số tiền 180.000.000 đồng nhưng chỉ đồng ý sẽ trả dần chứ không thanh toán trả ngay cho anh Đ, anh Đ không đồng ý. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ là phù hợp với Q định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Buộc anh Q phải trả cho anh Đ một lần tiền gốc là 180.000.000 đồng.

[2.3]. Đối tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, Hội đồng xét xử thấy nội dung trong Giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, phía nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với Q định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Cụ thể: Từ ngày khởi kiện là ngày 23/02/2021 cho đến ngày xét xử 10/8/2021 bằng 05 tháng 18 ngày, được tính thành tiền: $(180.000.000 \times 0,83\%/tháng) \times 05 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 8.366.400 \text{ đồng}$.

Do vậy anh Q phải trả cho anh Đ tổng số tiền lãi là: 8.366.400 đồng (*Tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Tổng tiền gốc, lãi buộc anh Q phải thanh toán cho anh Đ là 188.366.400 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

[2.4]. Anh Đ, chị Nh đều xác định số tiền anh Đ cho ông Q vay là tài sản chung của anh Đ, chị Nh. Nay chị Nh đồng ý đề nghị Tòa án giải Quyết buộc anh

Q phải trả anh Đ số tiền trên cho anh Đ theo yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Đây là sự tự nguyện của bà Nh, cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn anh Lê Văn Q phải chịu án phí theo dân sự sơ thẩm theo Q định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Đ không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về Qền kháng cáo: Các đương sự có Qền kháng cáo bản án theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Q định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình Đ.
2. Buộc anh Lê Văn Q phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Đình Đ tổng số tiền gốc và lãi là 188.366.400đồng (trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000đồng và tiền lãi là 8.366.400đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có Qền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất Q định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí:

Buộc anh Lê Văn Q phải chịu 9.418.000 đồng (Chín triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Đình Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.500.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0002890 ngày 02/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh BG.

5. Về Qền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có Qền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có Qền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Q định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Qền thoả thuận thi hành án, Qền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Q định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Q định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thiêm